TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **233**/2025/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 24 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 246/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Anh Lê Bá T**, sinh năm 1985; căn cước công dân số: 046085006875, cấp ngày 28/6/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Thôn C, xã P, thành phố Huế.

2. **Chị Nguyễn Thị Á**, sinh năm 1995; căn cước công dân số: 046195009067 , cấp ngày 09/8/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội địa chỉ: Thôn C, xã P, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Bá T và chị Nguyễn Thị Á tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là xã P, thành phố Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/3/2016 nên quan hệ hôn nhân của anh T và chị Á là hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh T và chị Á chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không phù hợp nên hay gây gỗ, cải vã nhau, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay và không còn tình cảm với nhau nữa. Anh T và chị Á đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay anh T và chị Á đã hết tình cảm, không thể quay lại chung sống với nhau nên anh chị yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị Á không thể hàn gắn và anh chị đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật

Hôn nhân và gia đình để công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Lê Bá T và chị Nguyễn Thị Ánh .

[2] Về con chung: Anh Lê Bá T và chị Nguyễn Thị Á xác nhận có 01 con chung là Lê Thị Bảo N, sinh ngày 18/10/2016.

Anh T và chị Á thỏa thuận giao con Lê Thị Bảo N cho chị Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; anh T không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, thỏa thuận của anh T và chị Á là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Anh T và chị Á tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh T và chị Á xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh T và chị Á thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0000416 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh T và chị Á đã nộp đủ.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyên ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Bá T và chị Nguyễn Thị Á thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con Lê Thị Bảo N, sinh ngày 18/10/2016 cho chị Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh T và chị Á tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T và chị Á xác nhận không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh T và chị Á thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0000416 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh T và chị Á đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- TAND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND xã P
(ĐKKH số 34 ngày 15/3/2016 tại UBND xã V cũ);
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình